

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **60/2025/HC-ST**

Ngày: 29/5/2025

“V/v: khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Y Phi Kbuôr

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Dung

2. Bà H'Mơ Niê

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 270/2024/TLST-HC ngày 11/12/2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 70/2015/QĐXXST-HC ngày 11/4/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 63/2025/QĐST-HC ngày 29/4/2025, giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Quách Thị Vân H, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn A, xã T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1972; địa chỉ: Đường Ô, phường L, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk, có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đăk Lăk; địa chỉ: Đường Đ, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại TH – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, có văn bản xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Nguyễn Hồng NH – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B và ông

Hoàng Tiến M – Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B; địa chỉ: Đường TR, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đều vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Đường TR, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

3.2. Ủy ban nhân dân xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Thôn A, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có văn bản xin vắng mặt;

3.3. Ông Y G, sinh năm 1964; địa chỉ: Buôn J, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện và người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày:***

Về nguồn gốc sử dụng đất: Năm 1998 bà Quách Thị Vân H nhận chuyển nhượng thửa đất của ông Nguyễn Tiến H1 với diện tích khoảng 09 sào, địa chỉ thửa đất tại thôn C, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, khi chuyển nhượng hai bên chỉ viết giấy tờ tay; sau khi nhận chuyển nhượng bà H trồng cà phê trên thửa đất. Năm 2005 theo chủ trương của nhà nước cho người dân đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà H đã đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đến năm 2006 bà H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 831665, thửa đất số 01, tờ bản đồ độc lập, diện tích 9.563m². Năm 2024, bà H đi đo đạc lại, kết quả đo đạc theo trích lục bản đồ địa chính thì thửa đất bà H đang sử dụng là 11988,1m², bà H xin cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kết quả đo đạc hiện trạng thì phát hiện thửa đất đã bị cấp sai vị trí so với hiện trạng đang sử dụng và cấp trùng đổi với 03 thửa đất số 166, 167, 180 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 081345. Bà H đã làm đơn kiến nghị gửi đến Ủy ban nhân dân xã E, kết quả làm việc Ủy ban nhân dân xã E xác định thửa đất số 01 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 831665 mà Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho hộ bà Quách Thị Vân H, ông Bùi Văn NG ngày 18/8/2006 bị cấp trùng với thửa đất số 166, 167, 180 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 081345 mà Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho hộ ông Y G Bkrông ngày 23/11/1995. Trên thực tế thửa đất 166, 167, 180 thì ông Y G đã chuyển cho người khác, ông Y G không nhớ thông tin người mua và hiện nay ông Y G không quản lý và sử dụng thửa đất trên. Nguồn gốc đất của bà H thì nhận chuyển nhượng từ ông H1 và từ khi nhận chuyển nhượng đến nay bà H sử dụng, quản lý thửa đất, không có tranh chấp với ông Y G và không có tranh chấp với ai.

Vì thửa đất số 01 của bà H cấp trùng với 03 thửa đất số 166, 167, 180 của ông Y G và vì thửa đất của bà H cấp sai vị trí nên bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên: Hủy toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 831665 đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ độc lập do Ủy ban nhân dân thành phố

B cấp cho bà H và huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 081345 đối với thửa đất số 166, 167, 180, tờ bản đồ số 20 được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho ông Y G Bkrông.

Tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút yêu cầu: Huỷ toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 831665 đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ độc lập do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho bà H và huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 081345 đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 20 được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho ông Y G Bkrông.

**** Quá trình giải quyết vụ án người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B không có văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.***

**** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã E có văn bản nêu ý kiến như sau:***

Ủy ban nhân dân nhận được phiếu chuyển đơn của Phòng Tài nguyên và Môi trường về lập hồ sơ xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Quách Thị Vân H thì Ủy ban nhân dân xã đã mời giải quyết và cung cấp thông tin cụ thể như sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Quách Thị Vân H số AĐ 831665 được cấp năm 2006 là thửa đất số 01, tờ bản đồ độc lập được cấp trùng với Giấy chứng nhận của ông Y G Bkrông số giấy H 081345 được cấp năm 1995, thửa đất số 166, 167, 180 tờ bản đồ số 20.

**** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Y G Bkrông trình bày:***

Nguồn gốc thửa đất số 166, 167, 180, thuộc tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại Buôn J, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là do gia đình ông khai hoang. Ngày 23/11/1995, gia đình ông được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 081345 (trong đó có ba thửa đất nêu trên). Cách đây khoảng hơn 20 năm gia đình ông đã chuyển nhượng 03 thửa đất số 166, 167, 180 cho một người đàn ông ở thôn A, xã T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Việc chuyển nhượng thì hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau, không lập văn bản gì. Lý do gia đình ông không làm thủ tục sang tên vì khi chuyển nhượng người mua nói với ông là không cần bìa đỏ mà chỉ cần đất để làm, với lại gia đình ông cũng không am hiểu pháp luật nên gia đình ông không có ý kiến về vấn đề đó. Hai bên đã thực hiện bàn giao đất và nhận đủ tiền nên gia đình ông không còn liên quan gì đối với ba thửa đất nêu trên nữa. Hiện nay, phần thửa đất của bà H đang quản lý sử dụng đúng là thửa đất của ông trước đây. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì ông đồng ý về việc yêu cầu huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 081345 đối với thửa đất số 167, 180, tờ bản đồ số 20.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 143, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị Vân H về huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 081345 đối với thửa đất số 167, 180, tờ bản đồ số 20 được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho ông Y G Bkrông; Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị Vân H về huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 081345 đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 20 được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho ông Y G Bkrông và yêu cầu Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 831665 đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ độc lập do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng.

Theo biên bản làm việc ngày 29/8/2024 của Ủy ban nhân dân xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thì Ủy ban nhân dân xã E làm việc với bà Quách Thị Vân H và ông Y G Bkrông theo phiếu chuyển đơn của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B số 29/PCĐ-TNMT ngày 12/6/2024 với nội dung ban hành phiếu hướng dẫn do cấp trùng 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cùng 01 thửa, cụ thể Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 831665 đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ độc lập, tọa lạc tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho hộ bà Quách Thị Vân H, ông Bùi Văn N (ngày 25/01/2024 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B chính lý người sử dụng đất là bà Quách Thị Vân H) trùng với thửa đất số 166, 167, 180, cùng tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 081345 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho hộ ông Y G Bkrông ngày 23/11/1995 (ngày 12/02/2015 được Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B chính lý người sử dụng đất là ông Y G Bkrông). Sau khi được Ủy ban nhân dân xã E làm việc và hướng dẫn thì ngày 08/10/2024 bà H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk là còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã E có văn bản xin được xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã

được triệu tập hợp lệ. Do đó, căn cứ Điều 157 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị Vân H:

[2.1]. Đối với yêu cầu huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 081345 đối với thửa đất số 167, 180, cùng tờ bản đồ số 20 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho ông Y G Bkrông:

Về nguồn gốc của thửa đất số 167, 180 thì ngày 23/11/1995, Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho hộ ông Y G Bkrông quyền sử dụng đất đối với 15 thửa đất toạ lạc tại xã E, thành phố B (trong đó có thửa đất số 180, tờ bản đồ số 20, diện tích 1980m² và thửa đất số 167, tờ bản đồ số 20, diện tích 5030m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 081345, ngày 12/02/2015 được Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B chỉnh lý người sử dụng đất là ông Y G Bkrông (Y G Bkrông) do nhận thừa kế.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Y G xác định gia đình ông đã chuyển nhượng các thửa đất trên cho một người đàn ông ở thôn A, xã T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, hai bên đã thực hiện bàn giao đất, nhận đủ tiền nên gia đình ông không còn liên quan gì đối với ba thửa đất nêu trên nữa và ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H. Đồng thời, Ủy ban nhân dân xã E xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Quách Thị Vân H số AĐ 831665 được cấp năm 2006 là thửa đất số 01, tờ bản đồ độc lập được cấp trùng với Giấy chứng nhận của ông Y G Bkrông số giấy H 081345 được cấp năm 1995, thửa đất số 166, 167, 180 tờ bản đồ số 20. Tuy nhiên, theo kết quả trích đo của Công ty TNHH đo đạc tư vấn nông lâm nghiệp Đắk Lắk và sơ đồ lòng ghép tham khảo đối với hiện trạng thửa đất mà bà H đang quản lý, sử dụng so với 03 thửa đất số 166, 167, 180 thì thấy rằng thửa đất của bà H có vị trí trùng với thửa đất số 167, 180 mà ông Y G được cấp. Như vậy, vị trí thửa đất số 167, 180 bị chồng lên thửa đất số 01, tờ bản đồ độc lập mà bà H đang sử dụng ổn định từ năm 2006, không có tranh chấp với ông Y G và bà H đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà H về việc yêu cầu huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 167, 180 của ông Y G.

[2.2]. Đối với yêu cầu huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 081345 đối với thửa đất số 166, cùng tờ bản đồ số 20 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho ông Y G Bkrông và yêu cầu huỷ toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 831665 của thửa đất số 01, tờ bản đồ độc lập do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho bà H:

Tại phiên toà sơ thẩm người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện rút yêu cầu nêu trên, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bên phía người khởi kiện là tự nguyện, không vi phạm quy định pháp luật. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 143 Luật tố tụng hành chính đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 081345 đối với thửa đất số 166, cùng tờ bản đồ số 20 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho ông Y G Bkrông và yêu cầu huỷ toàn bộ

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 831665 của thửa đất số 01, tờ bản đồ độc lập do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho bà Quách Thị Vân H.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng

[3.1]. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện nên người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Người khởi kiện bà Quách Thị Vân H được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp (ông Nguyễn Văn N nộp thay) theo biên lai thu số AA/2023/0014200 ngày 04/12/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[3.2]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị Vân H được chấp nhận nên người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bên phía người khởi kiện đồng ý chịu $\frac{1}{2}$ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc; do đó, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 5.371.000 đồng : 2 = 2.685.000 đồng (Tính tròn số), số tiền còn lại là 2.686.000 đồng thì bà H tự chịu và đã chi phí xong. Như vậy, bà H được nhận lại tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc 2.685.000 đồng sau khi thu được từ Ủy ban nhân dân thành phố B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 1 Điều 123; điểm b khoản 1 Điều 143; Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194; khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính;

Áp dụng Điều 152 Luật Đất đai năm 2024; Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị Vân H:

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 081345 đối với thửa đất số 167, 180, cùng tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã E, thành phố B do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho ông Y G Bkrông ngày 23/11/1995 (được Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B chính lý người sử dụng đất là ông Y G Bkrông ngày 12/02/2015).

[2]. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị Vân H về việc: Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 081345 đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã E, thành phố B do Ủy ban

nhân dân thành phố B cấp cho ông Y G Bkrông ngày 23/11/1995 (được Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B chỉnh lý người sử dụng đất là ông Y G Bkrông ngày 12/02/2015) và huỷ toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 831665 đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ độc lập do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho hộ bà Quách Thị Vân H, ông Bùi Văn N1 ngày 18/8/2006 (được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B chỉnh lý người sử dụng đất là bà Quách Thị Vân H ngày 25/01/2024).

[3]. Về án phí và chi phí tố tụng.

[3.1]. Về án phí:

Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Quách Thị Vân H được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp (ông Nguyễn Văn N1 nộp thay) theo biên lai thu số AA/2023/0014200 ngày 04/12/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[3.2]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc:

Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc là 2.685.000 đồng (Hai triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn đồng). Bà H được nhận lại tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc 2.685.000 đồng (Hai triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn đồng) sau khi thu được từ Ủy ban nhân dân thành phố B.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr